

**Phụ lục: Về Đề án nghiên cứu cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện
và lựa chọn phương án**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 153/BCT-ĐTĐL ngày 07 tháng 10 năm 2022
của Bộ Công Thương về việc lấy ý kiến các phương án cải tiến cơ cấu
biểu giá bán lẻ điện)*

Trong thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tiếp thu ý kiến của các đại biểu Quốc hội, ý kiến của cử tri các tỉnh/thành phố trên cả nước, Bộ Công Thương đã nghiên cứu các phương án cải tiến biểu giá bán lẻ điện cho khách hàng sinh hoạt và gửi lấy ý kiến góp ý của các cơ quan thuộc Quốc hội; các Bộ, ngành, tổ chức; Đoàn đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về dự thảo Quyết định và các phương án sửa đổi cơ cấu biểu giá bán lẻ điện sinh hoạt. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và đánh giá ảnh hưởng của dịch COVID-19 đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, Bộ Công Thương đã có Báo cáo số 88/BC-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2020, Báo cáo số 29/BC-BCT ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Báo cáo số 145/BC-BCT ngày 18 tháng 8 năm 2022 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện (sau đây gọi tắt là Quyết định số 28). Ngày 09 tháng 9 năm 2022, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 5959/VPCP-KTTH về việc sửa đổi Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg, trong đó giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu, thực hiện việc sửa đổi Quyết định số 28 theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1819/VPCP-KTTH ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ.

Thực hiện chỉ đạo nêu trên của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) thuê tư vấn là Công ty TNHH MTV Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Bách Khoa, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội thực hiện nghiên cứu, cập nhật số liệu, hoàn thiện các phương án cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện phù hợp với thực tế sử dụng điện của các hộ sử dụng điện. Ngày 24 tháng 1 năm 2022, EVN có Công văn số 404/EVN-TCKT gửi Bộ Công Thương báo cáo về Đề án "Hoàn thiện cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho ngành điện Việt Nam" (sau đây gọi tắt là Đề án).

I. Tóm tắt kiến nghị của EVN và Tư vấn tại Đề án

1. Các kết quả đạt được của cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hiện hành

Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hiện hành đã phân nào hướng tới mục tiêu phản ánh gần nhất các chi phí mà người tiêu dùng gây ra cho hệ thống. Các biểu giá điện trong Quyết định số 28 cơ bản đã được sử dụng và phát huy hiệu quả của biểu giá:

a) Về mức độ phản ánh chi phí

- Biểu giá điện theo cấp điện áp đã phản ánh đúng nguyên tắc cấp điện áp càng thấp mức trả giá càng cao, tương ứng với chi phí cung ứng điện, mức tổn

thất điện năng càng cao.

- Biểu giá theo thời gian sử dụng điện trong ngày áp dụng cho hộ sử dụng điện cho mục đích sản xuất, kinh doanh cũng là sự phản ánh sự khác nhau về chi phí cung ứng của hệ thống điện, góp phần khuyến khích khách hàng sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả.

- Biểu giá điện sinh hoạt được thiết kế theo các bậc với những điều chỉnh về mức giá theo nguyên tắc dùng càng nhiều càng đắt là phù hợp đối với tính chất sử dụng điện sinh hoạt khi phần lớn sự gia tăng tiêu dùng hộ sinh hoạt đều nằm ở thời kỳ cao điểm.

b) Về mục tiêu sử dụng hiệu quả và tiết kiệm điện năng

- Với ngành sản xuất, giá điện giờ cao điểm cao hơn nhiều lần so với giá điện giờ thấp điểm là tín hiệu tốt hướng người tiêu dùng sử dụng hiệu quả, tiết kiệm điện thông qua việc điều chỉnh hành vi sử dụng điện và cũng góp phần giảm chi phí cung ứng điện.

- Giá điện cho hộ kinh doanh rất cao cũng là tín hiệu giá để hộ tiêu dùng này nâng cao ý thức sử dụng điện, sử dụng các hệ thống thiết bị điện thông minh, tiết kiệm điện. Giá điện sinh hoạt bậc thang cũng tương tự, dùng nhiều bậc thang giá càng cao cũng là tín hiệu giá để hướng người tiêu dùng sử dụng hiệu quả và tiết kiệm điện năng là rất rõ ràng. Các tháng mùa hè cho thấy rõ rất hiệu quả của biểu giá này.

c) Triển khai các mục tiêu chính sách xã hội trong định giá điện

- Tại Quyết định số 28 các chính sách xã hội được thực thi trong quá trình điều hành và quản lý giá điện vẫn được duy trì và minh bạch hơn khi các hỗ trợ cho hộ nghèo hoặc hộ chính sách xã hội được lấy từ ngân sách nhà nước (tiền điện tương ứng với 30 kWh theo giá điện sinh hoạt bậc 1).

- Giá điện sinh hoạt theo 6 bậc thang và mức giá ở các bậc thang đầu rất thấp nên các hộ tiêu thụ điện ít sẽ được hưởng lợi từ biểu giá này mặc dù các hộ sinh hoạt có sản lượng tiêu dùng càng ít thì chi phí gây ra cho hệ thống lại càng cao.

- Áp dụng giá điện thống nhất toàn quốc cho các nhóm khách hàng sử dụng điện tại nông thôn, miền núi, biên giới hải đảo khu vực chưa nối lưới điện Quốc gia, để ổn định cuộc sống của người dân, góp phần bảo vệ biên cương, chủ quyền của Tổ quốc.

d) Mức độ khác biệt về giá (bù chéo) giữa các hộ tiêu dùng

So với các Quyết định trước đó, vấn đề bù chéo trong cơ cấu biểu giá cũng có những cải thiện đáng kể trong mục tiêu giảm bớt sự bù chéo giữa các hộ tiêu thụ điện có tính chất tiêu dùng khác nhau.

e) Mức độ minh bạch, đơn giản và dễ áp dụng

- Biểu giá hiện tại vẫn là biểu giá 1 thành phần: giá cho điện năng nên mức độ đơn giản trong triển khai.

- Rút gọn số bậc thang trong biểu giá điện sinh hoạt xuống còn 6 bậc giảm sự phức tạp trong cách tính toán tiền điện (trước Quyết định số 28 là 7 bậc).

2. Những tồn tại của cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hiện hành

a) Về mức độ phản ánh chi phí

- Việc phân bổ mức giá theo các cấp điện áp, theo khung thời gian cao thấp điểm (TOU) là chưa có phương pháp rõ ràng (có phần cơ học), chưa có những tính toán phản ánh việc phân bổ là phù hợp với chi phí phát sinh của hệ thống điện giai đoạn hiện nay.

- Cơ cấu biểu giá điện hiện nay chỉ có giá điện 1 thành phần cho tất cả các hộ tiêu dùng. Các kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các nước dù là phát triển hay đang phát triển, dù là cơ chế thị trường hay biểu giá điều tiết, biểu giá bán lẻ điện đều được cơ cấu thành 2 phần: giá/phí trả cho công suất đăng ký và phần trả cho điện năng tiêu dùng (ít nhất là áp dụng cho các hộ tiêu thụ có quy mô tiêu dùng điện lớn). Mặc dù giá điện 2 thành phần (giá công suất và giá điện năng) đã được đề cập trong Quyết định số 28, nhưng nội dung này vẫn chưa được triển khai nghiên cứu và áp dụng thử nghiệm.

- Cơ cấu biểu giá điện tại Quyết định số 28 xây dựng năm 2014 là thời điểm toàn bộ cơ cấu nguồn là các nguồn điện truyền thống. Đến thời điểm hiện tại, các nguồn tái tạo đặc biệt là điện mặt trời và điện gió đã gia tăng tỷ trọng trong cơ cấu nguồn điện. Do đó cần phải cải tiến cơ cấu biểu giá cho phù hợp hơn với điều kiện cung ứng và tiêu dùng cho giai đoạn hiện nay và cho các năm tới.

b) Mục tiêu sử dụng hiệu quả và tiết kiệm điện năng

Tại Quyết định số 28 đã có những biểu giá có hiệu ứng tốt về sử dụng hiệu quả và tiết kiệm điện. Tuy nhiên, những tính toán sơ bộ cho thấy giá bán điện cho hộ tiêu dùng sản xuất là thấp hơn so với giá phản ánh chi phí, trong khi đây lại là hộ tiêu dùng quan trọng trong cơ cấu tiêu dùng điện. Điều này làm cho mục tiêu sử dụng hiệu quả và tiết kiệm điện năng bị ảnh hưởng, các doanh nghiệp ít có động lực đổi mới công nghệ, điều chỉnh tổ chức sản xuất, đặc biệt là khi hộ tiêu dùng này chiếm tới 55-60% phụ tải của hệ thống điện hiện nay.

c) Triển khai các mục tiêu chính sách xã hội trong định giá điện

Bên cạnh chính sách hỗ trợ đã triển khai độc lập với giá điện thì chính sách xã hội trong giá điện cũng thể hiện rõ khi các hộ ở bậc thang đầu giá thấp hơn rất nhiều so với những hộ có sản lượng tiêu dùng lớn hơn trong khi các hộ tiêu dùng ít, hộ nghèo đã được hỗ trợ độc lập. Theo tính toán của Tư vấn thì hai bậc thang đầu tiên cho sinh hoạt người tiêu dùng đang trả giá thấp hơn so với giá thành bình quân.

d) Mức độ bù chéo giữa các hộ tiêu dùng

Các phân tích cho thấy còn tồn tại hiện tượng bù chéo trong cơ cấu biểu giá hiện nay để đạt mục tiêu cân bằng doanh thu.

e) Mức độ minh bạch, đơn giản và dễ áp dụng

- Cần có sự công khai, minh bạch hoặc có giải thích rõ ràng về các cơ chế đặc biệt trong việc tính toán giá điện cho các hộ tiêu dùng khi đã cơ cấu theo tính chất tiêu dùng điện.

- Biểu giá sinh hoạt bậc thang có 6 bậc được cho là quá nhiều bậc. Với 6 bậc thang giá và sản lượng, tiền điện thanh toán mỗi tháng phụ thuộc vào lượng điện sử dụng của khách hàng nên việc xác định sản lượng điện để tính hóa đơn phải được thực hiện theo đúng thời gian quy định. Tính phức tạp của biểu giá bậc thang được thể hiện trong quá trình đo đếm, tính toán hóa đơn tiền điện của các hộ sinh hoạt.

- Quy định về các cấp điện áp hiện nay không đồng nhất với quy định vận hành lưới điện. Ngoài ra, có quá nhiều đối tượng áp giá và mức giá gây khó khăn cho các đơn vị khi áp giá để ký kết hợp đồng mua bán điện. Việc phân chia theo đối tượng ngành nghề cũng gây khó khăn cho công tác áp dụng giá bán điện, khó thực hiện, có thể phát sinh tiêu cực.

3. Các đề xuất chính tại Đề án về cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện

Trên cơ sở phân tích những tồn tại của cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hiện hành, kinh nghiệm áp dụng tại một số nước trên thế giới và kết quả phân bổ chi phí sản xuất kinh doanh điện, Đề án có những đề xuất cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hiện hành như sau:

a) Giữ nguyên cơ cấu khách hàng sử dụng điện như hiện nay gồm 04 thành phần: Sản xuất; Sinh hoạt; Kinh doanh; Hành chính sự nghiệp.

b) Xây dựng cơ cấu biểu giá bán điện trên cơ sở phân bổ chi phí sản xuất, kinh doanh của ngành điện theo cấp điện áp và theo nhóm khách hàng sử dụng điện, trong đó đề xuất thay đổi khung thời gian TOU như sau: giữ nguyên 5 giờ cao điểm như hiện hành (được quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện), có điều chỉnh khung giờ áp dụng (Cao điểm: từ 9h30 đến 11h; 14h đến 16h và 17h30 đến 19h; Bình thường: từ 6h - 9h30; 11h-14h; 16h-17h30; 19h-24h; Thấp điểm: từ 0h-6h; Chủ nhật không có giờ cao điểm), cụ thể:

Đề xuất khung giờ cao thấp điểm	Tổng số giờ	Khung giờ		
Giờ cao điểm	5h	03 khung		
		Từ 9h30 đến 11h	Từ 14 đến 16h	Từ 17h30 đến 19h
Giờ thấp điểm	6h	01 khung		
		Từ 24h đến 6h sáng hôm sau		
Giờ bình thường	13h	04 khung		
		Các khung giờ còn lại		
Chủ nhật	Không có giờ cao điểm			

Bảng 1: Các khung giờ cao thấp điểm trong ngày

c) Tách nhóm khách hàng Kinh doanh thành 2 đối tượng: Cơ sở lưu trú du lịch (áp dụng giá bán lẻ điện bằng nhóm khách hàng sản xuất) và các hộ kinh doanh khác.

d) Áp dụng giá bán điện theo 4 cấp điện áp cho nhóm khách hàng sản xuất: từ 220 kV trở lên; Cao áp (cấp điện áp 110 kV đến dưới 220 kV); Trung áp (6 kV; 10 kV; 15 kV; 22 kV và 35 kV); Hạ áp (dưới 6 kV). Áp dụng theo 2 cấp điện áp cho nhóm khách hàng kinh doanh: Trung áp; Hạ áp.

đ) Gộp giá bán điện cho đối tượng: Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông với Chiếu sáng công cộng, đơn vị hành chính sự nghiệp thành 1 đối tượng áp dụng chung mức giá là Khối hành chính sự nghiệp.

g) Giá bán điện sinh hoạt: Trên cơ sở phân tích các phương án cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện gồm 1 bậc (giá sinh hoạt đồng giá), 3 bậc, 4 bậc và 5 bậc, Đề án đề xuất áp dụng Phương án 5 bậc:

- + Bậc 1: cho 100 kWh đầu tiên;
- + Bậc 2: cho kWh từ 101 - 200;
- + Bậc 3: cho kWh từ 201 - 400;
- + Bậc 4: cho kWh từ 401 - 700;
- + Bậc 5: cho kWh từ 701 trở lên.

h) Căn cứ theo cơ cấu biểu giá bán lẻ điện đề xuất, Đề án đã tính toán, điều chỉnh thay đổi tỷ lệ % giá bán lẻ điện bình quân của từng nhóm khách hàng sử dụng điện.

i) Đề án cũng có đánh giá tác động đến các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô (CPI - Chỉ số giá tiêu dùng; PPI - Chỉ số phát triển sản xuất; Chỉ số tăng trưởng GDP); tác động của việc điều chỉnh giá tới các nhóm khách hàng sử dụng điện.

II. Ý kiến của Bộ Công Thương về kết quả nghiên cứu và đề xuất tại Đề án

1. Đánh giá chung

a) Kết quả đạt được của Đề án

Về cơ bản, Đề án được xây dựng trên cơ sở phương pháp luận về tính giá điện phản ánh chi phí, phương pháp phân bổ chi phí đến từng nhóm khách hàng sử dụng điện nên đã dần xóa được việc bù chéo giữa các nhóm khách hàng sử dụng điện; Kết quả phân bổ chi phí là có cơ sở khoa học trên cơ sở số liệu của EVN và các đơn vị cung cấp; Kết quả tính toán của phương án đề xuất dựa trên cơ sở phương án giá điện phản ánh chi phí, phù hợp với đặc điểm của hệ thống điện cũng như chi phí phát sinh cho từng khâu, đề xuất giữ nguyên 4 hộ sử dụng điện (sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp và sinh hoạt) là phù hợp với thực tế hiện nay. Các đề xuất tại Đề án đã khắc phục được cơ bản những hạn chế của cơ cấu biểu giá điện hiện hành như đã phân tích tại khoản 2 mục I nêu trên.

b) Những hạn chế của Đề án

Các đề xuất cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện tại Đề án sẽ làm thay đổi căn bản cơ cấu biểu giá bán lẻ điện so với cơ cấu được quy định tại Quyết định 28 nên

sẽ có tác động trực tiếp tới các nhóm khách hàng sử dụng điện, trong đó với mức giá bán lẻ điện bình quân không thay đổi nhưng sẽ có nhóm khách hàng được giảm tiền điện và ngược lại có nhóm phải tăng tiền điện ở các mức độ khác nhau nên cần cân nhắc khả năng áp dụng và có lộ trình áp dụng phù hợp với thực tế.

2. Đánh giá tác động của cơ cấu biểu giá điện theo đề xuất tại Đề án so với giá điện hiện hành tại Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện

2.1. Nhóm khách hàng sản xuất

Đối tượng áp dụng giá		Giá QĐ 648 (đ/kWh)	Giá bán bình quân (đ/kWh)	Tỷ trọng mới (%)	Giá mới (đ/kWh)	Giá bán bình quân (đ/kWh)	Tăng/giảm tiền điện
1.1	Sản xuất bình thường						
1.1.1	Cấp điện áp từ 110kV trở lên		1.565			1.542	-1,48%
a	Giờ bình thường	1.536		84%	1.566	30	
c	Giờ cao điểm	2.759		130%	2.424	-335	
b	Giờ thấp điểm	970		54%	1.007	37	
1.1.2	Cấp điện áp từ 22kV đến dưới 110kV		1.661			1.714	3,19%
a	Giờ bình thường	1.555		91%	1.697	142	
c	Giờ cao điểm	2.871		137%	2.554	-317	
b	Giờ thấp điểm	1.007		60%	1.119	112	
1.1.3	Cấp điện áp từ 6kV đến dưới 22kV		1.670			1.677	0,42%
a	Giờ bình thường	1.611		91%	1.697	86	
c	Giờ cao điểm	2.964		137%	2.554	-410	
b	Giờ thấp điểm	1.044		60%	1.119	75	
1.1.4	Cấp điện áp dưới 6kV		1.752			1.963	12,07%
a	Giờ bình thường	1.685		105%	1.958	273	
c	Giờ cao điểm	3.076		145%	2.703	-373	
b	Giờ thấp điểm	1.100		69%	1.286	186	

Bảng 2: Mức điều chỉnh giá điện cho sản xuất so với giá điện hiện hành

Số liệu tại Bảng 2 cho thấy trường hợp áp dụng đề xuất tại Đề án, nhóm khách hàng sản xuất tại cấp điện áp 110 kV trở lên sẽ có mức giảm tiền điện là 1,48%; nhóm khách hàng tại cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV có mức tăng tiền điện là 3,19%; nhóm khách hàng tại cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV có mức tăng tiền điện là 0,42%; nhóm khách hàng tại cấp điện áp dưới 6 kV có mức tăng tiền điện cao nhất là 12,07%.

Về đề xuất điều chỉnh khung giờ cao điểm, thấp điểm và bình thường để áp dụng giá điện theo thời gian sử dụng điện, mặc dù tổng số giờ áp dụng giá điện cao điểm, bình thường, thấp điểm là không thay đổi so với quy định hiện nay tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT nhưng sẽ tác động tới khả năng điều chỉnh hành vi sử dụng của các nhóm khách hàng sử dụng điện, đặc biệt là nhóm khách hàng thực hiện sản xuất 1 ca và 2 ca sẽ chịu tác động lớn nhất do khó có khả năng điều chỉnh phụ tải để tránh giờ cao điểm chiều. Ngoài ra, việc thay đổi khung thời gian sẽ tác động trực tiếp đến tiền điện của các hộ sử dụng điện do các đơn vị sử dụng điện không có khả năng điều chỉnh hành vi sử dụng điện của mình trong ngắn hạn.

Trường hợp phân bổ lại sản lượng điện sử dụng năm 2020 theo đề xuất khung thời gian TOU tại Đề án căn cứ theo kết quả nghiên cứu năm 2019 do EVN cung cấp (được sử dụng tại Đề án) thì sơ bộ, chỉ có ngành xi măng là có mức tiền điện phải trả giảm (-1,86%); còn hầu hết các ngành sản xuất khác đều chịu tác động tăng tiền điện từ 0,35% đến 1%, chi tiết tác động tại Bảng 3.

	Đối tượng áp dụng giá	Tỷ trọng theo khung TOU cũ (%)	Tỷ trọng theo khung TOU mới (%)	Cơ cấu tỷ trọng mới (%)	Giá mới (đ/kWh)	Giá bán bình quân cũ (đ/kWh)	Giá bán bình quân mới (đ/kWh)	Tăng/giảm tiền điện
1	Sản xuất bình thường							
1.2	Cấp điện áp từ 110kV trở lên							
	Xi măng					1.588	1.558	-1,86%
a	Giờ bình thường	57%	53%	84%	1.566			
c	Giờ cao điểm	19%	18%	130%	2.424			
b	Giờ thấp điểm	25%	29%	54%	1.007			
	Sắt thép					1.558	1.574	1,00%
a	Giờ bình thường	53%	54%	84%	1.566			
c	Giờ cao điểm	18%	19%	130%	2.424			
b	Giờ thấp điểm	29%	27%	54%	1.007			
1.3	Cấp điện áp trung áp							
	Khai khoáng					1.693	1.704	0,64%
a	Giờ bình thường	57%	56%	91%	1.697			
c	Giờ cao điểm	17%	18%	137%	2.554			
b	Giờ thấp điểm	26%	26%	60%	1.119			
	Chế biến					1.723	1.737	0,82%
a	Giờ bình thường	57%	56%	91%	1.697			
c	Giờ cao điểm	19%	20%	137%	2.554			
b	Giờ thấp điểm	24%	23%	60%	1.119			
	Dệt may					1.767	1.773	0,36%
a	Giờ bình thường	56%	56%	91%	1.697			
c	Giờ cao điểm	23%	23%	137%	2.554			
b	Giờ thấp điểm	21%	21%	60%	1.119			
	Gỗ, giấy					1.801	1.812	0,65%
a	Giờ bình thường	59%	58%	91%	1.697			
c	Giờ cao điểm	24%	25%	137%	2.554			
b	Giờ thấp điểm	17%	17%	60%	1.119			
	Hóa chất					1.739	1.747	0,49%
a	Giờ bình thường	56%	56%	91%	1.697			
c	Giờ cao điểm	21%	21%	137%	2.554			
b	Giờ thấp điểm	24%	23%	60%	1.119			
	Chế tạo máy					1.762	1.770	0,44%
a	Giờ bình thường	56%	56%	91%	1.697			
c	Giờ cao điểm	22%	23%	137%	2.554			
b	Giờ thấp điểm	22%	21%	60%	1.119			
	Gas, Nước sạch					1.765	1.775	0,59%
a	Giờ bình thường	56%	57%	91%	1.697			
c	Giờ cao điểm	22%	23%	137%	2.554			
b	Giờ thấp điểm	21%	20%	60%	1.119			
1.4	Cấp điện áp hạ áp							
	Ngành công nghiệp khác					1.973	1.980	0,35%
a	Giờ bình thường	56%	56%	105%	1.958			
c	Giờ cao điểm	22%	23%	145%	2.703			
b	Giờ thấp điểm	22%	22%	69%	1.286			

Bảng 3: Mức điều chỉnh giá điện cho sản xuất so với giá điện hiện hành

2.2. Nhóm khách hàng Hành chính sự nghiệp

	Đối tượng áp dụng giá	Giá QĐ 648 (đ/kWh)	Tỷ trọng mới (%)	Giá mới (đ/kWh)	Tăng/giảm tiền điện
	Giá bán điện cho CQHC, ĐV SN				
1	Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo trường phổ thông			0	
a	Cấp điện áp từ 6kV trở lên	1.659	91%	1.697	2,29%
b	Cấp điện áp dưới 6kV	1.771	103%	1.920	8,41%
2	CSCC & HCSN				
b	Cấp điện áp từ 6kV trở lên	1.827	91%	1.697	-7,12%
c	Cấp điện áp dưới 6kV	1.902	103%	1.920	0,95%

Bảng 4: Mức điều chỉnh giá điện cho HCSN so với giá điện hiện hành

Số liệu tại Bảng 4 cho thấy trường hợp áp dụng theo đề xuất tại Đề án, nhóm khách hàng Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông sẽ có mức tăng giá lớn nhất là 8,41% (chiếm 26% tỷ trọng sản lượng trong cơ cấu sản lượng cho HCSN); nhóm khách hàng chiếu sáng công cộng và cơ quan hành chính sự nghiệp có mức giá giảm -7,12% ở cấp điện áp từ 6 kV trở lên (tuy nhiên sản lượng điện thương phẩm chỉ chiếm 9% trong nhóm) và mức tăng không đáng kể ở cấp hạ thế 0,95% (sản lượng chiếm 91% trong nhóm).

2.3. Nhóm khách hàng Kinh doanh

Theo kiến nghị tại Đề án, nhóm khách hàng kinh doanh được tách thành 2 nhóm: Nhóm cơ sở lưu trú du lịch áp dụng giá bằng giá các ngành sản xuất; Nhóm các hộ kinh doanh khác. Căn cứ theo tỷ lệ sản lượng điện thương phẩm cho các cơ sở lưu trú du lịch do EVN và Tư vấn sử dụng tính toán tại Đề án, việc đánh giá tác động tới các nhóm khách hàng kinh doanh như sau:

2.3.1. Tác động tới nhóm khách hàng Cơ sở lưu trú du lịch

	Đối tượng áp dụng giá	Giá QĐ 648 (đ/kWh)	Giá bán bình quân (đ/kWh)	Tỷ trọng mới (%)	Giá mới (đ/kWh)	Giá bán bình quân (đ/kWh)	Tăng/giảm tiền điện
1.1	Cơ sở lưu trú du lịch						
1.1.1	Cấp điện áp từ 22kV trở lên		2.606			1.762	-32,38%
a	Giờ bình thường	2.442		91%	1.697		
c	Giờ cao điểm	4.251		137%	2.554		
b	Giờ thấp điểm	1.361		60%	1.119		
1.1.3	Cấp điện áp dưới 6kV		2.777			1.947	-29,90%
a	Giờ bình thường	2.666		105%	1.958		
c	Giờ cao điểm	4.587		145%	2.703		
b	Giờ thấp điểm	1.622		69%	1.286		

Bảng 5: Mức điều chỉnh giá điện cho Cơ sở lưu trú du lịch so với giá điện hiện hành

Số liệu tại Bảng 5 cho thấy các cơ sở lưu trú du lịch sẽ có mức giảm tiền điện từ 29,9% đến 32,38%.

2.3.2. Tác động tới nhóm khách hàng kinh doanh khác

	Đối tượng áp dụng giá	Giá QĐ 648 (đ/kWh)	Giá bán bình quân (đ/kWh)	Tỷ trọng mới (%)	Giá mới (đ/kWh)	Giá bán bình quân (đ/kWh)	Tăng/giảm tiền điện
1.1	Các hộ Kinh doanh khác						
1.1.1	Cấp điện áp từ 22kV trở lên		2.766			2.603	-5,89%
a	Giờ bình thường	2.442		123%	2.293		
c	Giờ cao điểm	4.251		212%	3.953		
b	Giờ thấp điểm	1.361		76%	1.417		
1.1.2	Cấp điện áp từ 6kV đến dưới 22kV		2.893			2.559	-11,54%
a	Giờ bình thường	2.629		123%	2.293		
c	Giờ cao điểm	4.400		212%	3.953		
b	Giờ thấp điểm	1.547		76%	1.417		
1.1.3	Cấp điện áp dưới 6kV		2.901			2.796	-3,62%
a	Giờ bình thường	2.666		138%	2.573		
c	Giờ cao điểm	4.587		233%	4.344		
b	Giờ thấp điểm	1.622		90%	1.678		

Bảng 6: Mức điều chỉnh giá điện cho các hộ kinh doanh khác so với giá điện hiện hành

Số liệu tại Bảng 6 cho thấy các hộ kinh doanh khác có mức giảm tiền điện từ -3,62% đến -11,54%.

2.4. Nhóm khách hàng Sinh hoạt

2.4.1. Phương án 3 bậc

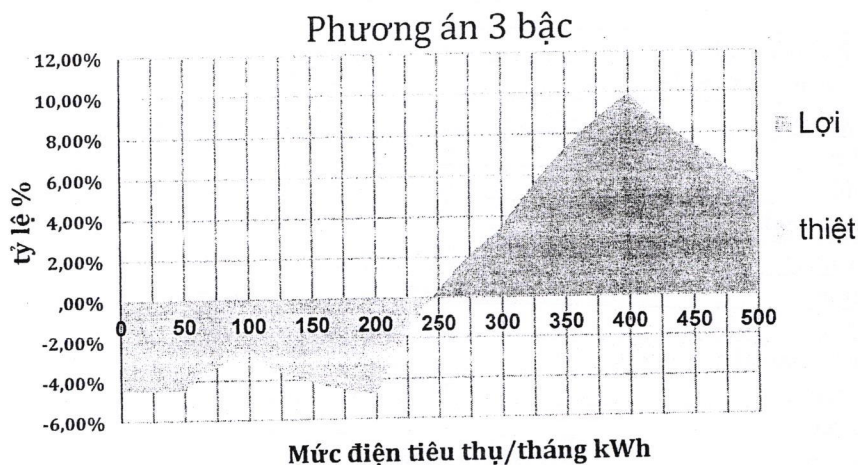
	Đối tượng áp dụng giá	Đề xuất tại Đề án	Định mức (Kwh)	Giá QĐ 648 (đ/kWh)	Tỷ trọng mới (%)	Giá mới (đ/kWh)	Tăng/giảm giá điện (đ/kWh)
	Sinh hoạt						
1	Từ 0 đến 50kWh	Từ 0 đến 100kWh	50	1.678	94%	1.753	75
2	Cho kWh 51 đến 100		50	1.734	94%	1.753	19
3	Cho kWh từ 101 đến 200	Cho kWh từ 101 đến 400	100	2.014	115%	2.144	130
4	Cho kWh từ 201 đến 300		100	2.536	115%	2.144	(392)
5	Cho kWh từ 301 đến 400		100	2.834	115%	2.144	(690)
6	Cho kWh từ 401 trở lên	Cho kWh từ 401 trở lên		2.927	170%	3.170	243
7				2.927	170%	3.170	243

Bảng 7: Mức điều chỉnh giá điện theo các bậc sinh hoạt so với giá điện hiện hành theo phương án 3 bậc

- *Ưu điểm:* đơn giản trong áp dụng, giảm từ 6 bậc như cơ cấu biểu giá điện hiện nay xuống còn 3 bậc. Biến động chi phí tiền điện giữa các nhóm hộ sẽ ít hơn vì số bậc càng ít.

- *Nhược điểm:* tiền điện các hộ sinh hoạt có mức sử dụng điện từ dưới 240 kWh/tháng tăng thêm bình quân khoảng 3,15% (mức tăng tối đa là 4,5%) so với tiền điện hiện hành; các hộ có mức sử dụng từ 250 kWh đến 770 kWh có mức giảm tiền điện bình quân khoảng 4,54% (mức giảm tối đa là 10,06%); các hộ có mức sử dụng từ 780 kWh trở lên có mức tăng tiền điện bình quân khoảng 6,79%

(mức tăng tối đa là 7,79%). Số tiền ngân sách hỗ trợ cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội tăng 42 tỷ đồng/năm (tính theo số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2020 là 1.546.540 hộ) do giá điện của bậc 1 được điều chỉnh tăng.



Hình 1: Tác động tăng/giảm giá điện cho các hộ sử dụng điện sinh hoạt cho phương án 3 bậc

2.4.2. Phương án 4 bậc

Đối tượng áp dụng giá		Đề xuất tại Đề án	Định mức (Kwh)	Giá QĐ 648 (đ/kWh)	Tỷ trọng mới (%)	Giá mới (đ/kWh)	Tăng/giảm giá điện (đ/kWh)
Sinh hoạt							
1	Từ 0 đến 50kWh	Từ 0 đến 100kWh	50	1.678	94%	1.753	75
2	Cho kWh 51 đến 100		50	1.734	94%	1.753	19
3	Cho kWh từ 101 đến 200	Cho kWh từ 101 đến 300	100	2.014	112%	2.088	74
4	Cho kWh từ 201 đến 300		100	2.536	112%	2.088	(448)
5	Cho kWh từ 301 đến 400	Cho kWh từ 301 đến 700	100	2.834	156%	2.909	75
6	Cho kWh từ 401 trở lên		300	2.927	156%	2.909	(18)
7		Cho kWh từ 701 trở lên		2.927	165%	3.076	149

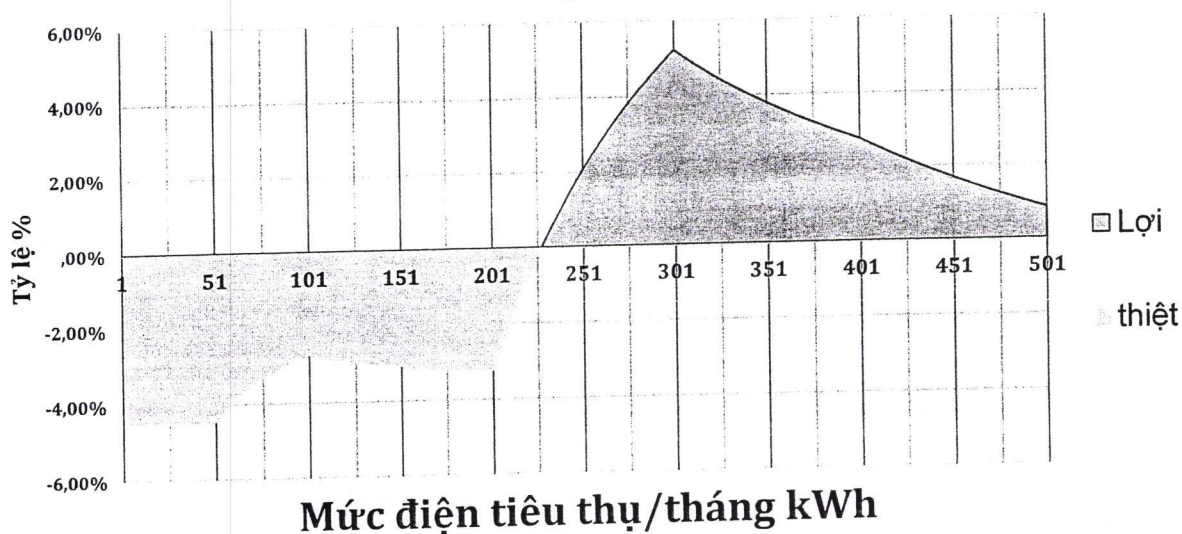
Bảng 8: Mức điều chỉnh giá điện theo các bậc sinh hoạt so với giá điện hiện hành theo phương án 4 bậc

- **Ưu điểm:** đơn giản, số bậc giảm từ 6 bậc như cơ cấu biểu giá điện hiện nay xuống còn 4 bậc. Biến động chi phí tiền điện giữa các nhóm hộ sẽ ít hơn vì số bậc giảm.

- **Nhược điểm:** tiền điện các hộ sinh hoạt có mức sử dụng điện từ dưới 240 kWh/tháng tăng thêm bình quân khoảng 3,15% (mức tăng tối đa là 4,5%) so với tiền điện hiện hành; các hộ có mức sử dụng từ 250 kWh đến 770 kWh có mức giảm tiền điện bình quân khoảng 4,54% (mức giảm tối đa là 10,06%); các hộ có mức sử dụng từ 770 kWh trở lên có mức tăng tiền điện bình quân khoảng 6,79% (mức tăng tối đa là 7,79%).

Số tiền ngân sách hỗ trợ cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội tăng 42 tỷ đồng/năm (tính theo số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2020 là 1.546.540 hộ) do giá điện của bậc 1 được điều chỉnh tăng.

Phương án 4 bậc



Mức điện tiêu thụ/tháng kWh

Hình 2: Tác động tăng/giảm giá điện cho các hộ sử dụng điện sinh hoạt cho phương án 4 bậc

2.4.3. Phương án 5 bậc

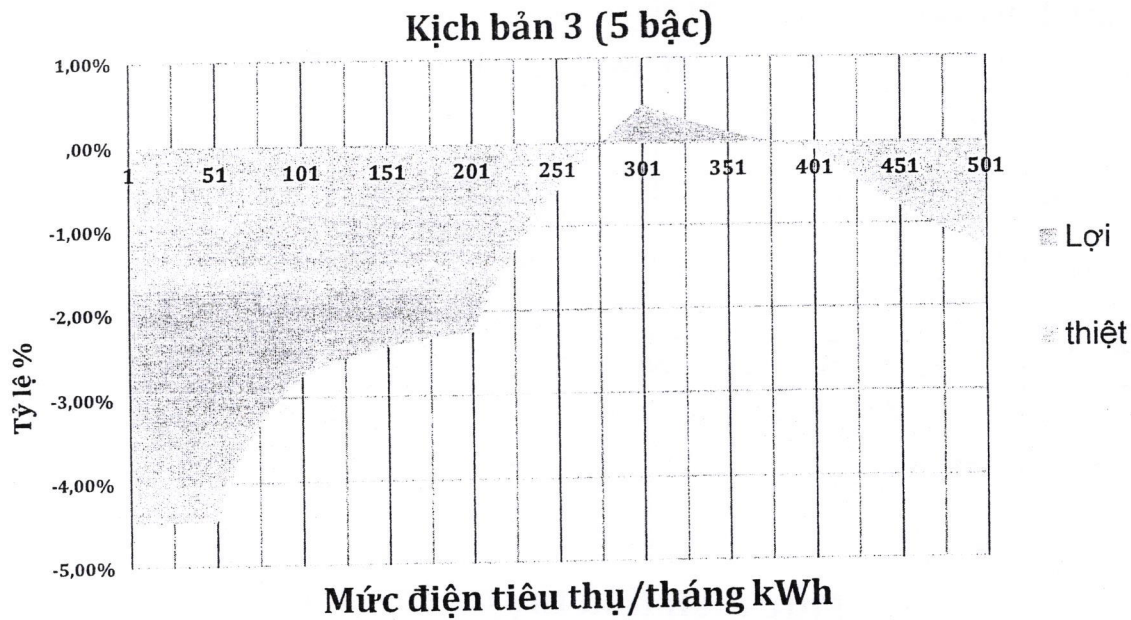
Đối tượng áp dụng giá		Đề xuất tại Đề án	Định mức (Kwh)	Giá QĐ 648 (đ/kWh)	Tỷ trọng mới (%)	Giá mới (đ/kWh)	Tăng/giảm giá điện (đ/kWh)
Sinh hoạt							
1	Từ 0 đến 50kWh	Từ 0 đến 100kWh	50	1.678	94%	1.753	75
2	Cho kWh 51 đến 100		50	1.734	94%	1.753	19
3	Cho kWh từ 101 đến 200	Cho kWh từ 101 đến 200	100	2.014	110%	2.051	37
4	Cho kWh từ 201 đến 300	Cho kWh từ 201 đến 400	100	2.536	130%	2.424	(112)
5	Cho kWh từ 301 đến 400		100	2.834	130%	2.424	(410)
6	Cho kWh từ 401 trở lên	Cho kWh từ 401 đến 700	300	2.927	154%	2.871	(56)
7		Cho kWh từ 701 trở lên		2.927	165%	3.076	149

Bảng 9: Mức điều chỉnh giá điện theo các bậc sinh hoạt so với giá điện hiện hành theo phương án 5 bậc

- **Ưu điểm:** đơn giản, số bậc giảm từ 6 bậc như cơ cấu biểu giá điện hiện nay xuống còn 5 bậc.

- **Nhược điểm:** tiền điện các hộ sinh hoạt có mức sử dụng điện từ dưới 270 kWh/tháng tăng thêm bình quân khoảng 2,32% (mức tăng tối đa là 4,47%) so với tiền điện hiện hành; các hộ có mức sử dụng từ 280 kWh đến 1.100 kWh có mức giảm tiền điện bình quân khoảng 2,47% (mức giảm tối đa là 4,82%); các hộ có mức sử dụng từ 1.100 kWh trở lên có mức tăng tiền điện bình quân khoảng 3,87% (mức tăng tối đa là 4,63%). Số tiền ngân sách hỗ trợ cho hộ nghèo và hộ chính

sách xã hội tăng 42 tỷ đồng/năm (tính theo số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2020 là 1.546.540 hộ) do giá điện của bậc 1 được điều chỉnh tăng.



Hình 3: Tác động tăng/giảm giá điện cho các hộ sử dụng điện sinh hoạt cho phương án 5 bậc

3. Đánh giá các đề xuất tại Đề án

3.1. Về đề xuất cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho sản xuất

3.1.1. Bổ sung nhóm khách hàng sản xuất tại cấp điện áp 220 kV

Theo báo cáo của EVN, các khách hàng hiện đang mua điện tại cấp điện áp 220 kV và 500 kV (đầu nối lưới điện truyền tải) là các nhà máy điện (mua điện từ lưới phục vụ cho tự dùng, khởi động ...). Dự kiến trong thời gian tới sẽ có thêm khách hàng mua điện tại cấp điện áp 220 kV trở lên phục vụ mục đích sản xuất. Những khách hàng mua điện tại cấp điện áp 220 kV trở nên không sử dụng lưới điện phân phối (đến 110 kV) nên việc bổ sung nhóm khách hàng này vào Dự thảo Quyết định trên cơ sở phân bổ chi phí sản xuất, kinh doanh điện, không bao gồm chi phí của khâu phân phối, bán lẻ điện là phù hợp với nguyên tắc đảm bảo giá điện phản ánh đúng chi phí.

Tuy nhiên, tỷ lệ phân bổ chi phí và cơ cấu biểu giá điện giờ bình thường, cao điểm, thấp điểm theo đề xuất tại Đề án (giờ bình thường: 81% giá bán điện bình quân; giờ thấp điểm: 74% giá bán điện bình quân; giờ cao điểm: 90% giá bán điện bình quân), tương ứng với chênh lệch giá điện giờ Cao điểm/Bình thường là 111%; Thấp điểm/Bình thường là 91% là giảm quá lớn so với tỷ lệ giờ Cao điểm/Bình thường và Thấp điểm/Bình thường như hiện nay (tương ứng ở mức 179% và 62%) nên chưa tạo ra tín hiệu về giá để khuyến khích khách hàng tại cấp điện áp 220 kV sử dụng điện hiệu quả, hạn chế phụ tải điện trong giờ cao điểm nên cần hiệu chỉnh lại cho phù hợp.

3.1.2. Gộp cấp điện áp đối với nhóm khách hàng sản xuất

Đề án đề xuất gộp cấp điện áp: Cao áp (cấp điện áp trên 35 kV); Trung áp (trên 01 kV đến 35 kV); Hạ áp đến 01 kV là phù hợp với thực tế lưới điện phân phối hiện nay khi các Tổng công ty điện lực thực hiện chuẩn hóa về lưới điện trung áp 22 kV (tỷ trọng thương phẩm cho sản xuất tại cấp điện áp từ 6 đến dưới 22 kV chỉ chiếm tỷ lệ rất thấp khoảng 0,66% tổng sản lượng điện thương phẩm năm 2020).

3.1.3. Cơ cấu tỷ trọng giá bán lẻ điện cho nhóm khách hàng sản xuất theo cấp điện áp và theo thời gian sử dụng điện trong ngày

Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho sản xuất theo đề xuất tại Đề án được tính toán căn cứ trên cơ sở giá điện phản ánh chi phí và dựa trên kết quả phân bổ chi phí giá thành theo cấp điện áp đến từng nhóm khách hàng sử dụng điện (số liệu sử dụng tính toán của 03 năm 2018, 2019, 2020), kết quả tính toán tại Đề án là đảm bảo phân bổ đúng, đủ chi phí đến nhóm khách hàng sản xuất. Tuy nhiên, theo kết quả đánh giá tác động tại khoản 2.1 mục II nêu trên cho thấy việc điều chỉnh cơ cấu biểu giá điện cho sản xuất sẽ có tác động tăng giá quá lớn cho các khách hàng sử dụng điện cho sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất tại cấp điện áp dưới 6 kV có mức tăng giá cao nhất tới 12,07%, trong khi các doanh nghiệp này chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chiếm số lượng lớn trong ngành sản xuất với tỷ trọng thương phẩm năm 2020 là 16,5% tổng sản lượng điện thương phẩm.

3.2. Về điều chỉnh cơ cấu giá bán lẻ điện cho Hành chính sự nghiệp

Đề xuất gộp các nhóm khách hàng Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông với nhóm khách hàng Cơ quan hành chính, chiếu sáng công cộng thành 01 nhóm như theo đề xuất tại Đề án là đơn giản trong việc áp dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị điện lực trong công tác quản lý áp dụng giá bán điện. Tuy nhiên đề xuất này sẽ làm giá điện cho nhóm đối tượng sử dụng điện là Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông tăng ở mức khá cao (tăng 8,41%).

3.3. Về điều chỉnh cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho kinh doanh

Đề xuất gộp cấp điện áp cho kinh doanh theo hai cấp: Trung áp và hạ áp là phù hợp với thực tế lưới điện phân phối hiện nay do tỷ trọng thương phẩm cho kinh doanh tại cấp điện áp từ 6 đến dưới 22 kV chỉ chiếm tỷ lệ 0,0015% tổng sản lượng điện thương phẩm năm 2020.

Đề xuất bổ sung giá bán điện cho các hộ lưu trú du lịch trên cơ sở tách từ các hộ kinh doanh là phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong đó có nội dung hoàn thiện thể chế, chính sách “*điều chỉnh giá điện áp dụng cho các cơ sở lưu trú du lịch ngang bằng với giá điện sản xuất*”.

Tuy nhiên, việc giảm giá quá lớn cho các hộ kinh doanh khác ở mức từ -3,65% đến -11,54% là khá lớn và sẽ có tác động rất lớn tới giá bán lẻ điện bình quân và cũng gián tiếp làm tăng giá điện cho các ngành sản xuất để bù vào mức

giảm giá điện cho nhóm khách hàng kinh doanh như đã phân tích ở trên nên cần có lộ trình áp dụng với mức điều chỉnh giảm phù hợp.

3.4. Về đề xuất thay đổi khung giờ áp dụng giá bán điện theo thời gian sử dụng điện (khung thời gian TOU)

Đề xuất thay đổi khung thời gian TOU như đề xuất tại Đề án là phù hợp với đặc điểm biểu đồ phụ tải điện hiện nay của hệ thống (dựa trên số liệu phân tích đặc điểm hệ thống điện năm 2019 tại Đề án với sự xuất hiện của khung cao điểm chiều). Tuy nhiên, nội dung này thuộc đối tượng điều chỉnh tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện. Ngoài ra, theo phân tích tại khoản 2.1 mục II nêu trên cho thấy việc điều chỉnh khung thời gian TOU trong ngắn hạn cũng sẽ tác động gián tiếp làm tăng tiền điện phải trả của các doanh nghiệp sản xuất.

3.5. Về đề xuất điều chỉnh cơ cấu biểu giá điện cho mục đích sinh hoạt

3.5.1. Về Phương án giá 1 bậc thang (giá sinh hoạt đồng giá)

Theo phân tích của Tư vấn tại Đề án thì phương án đồng giá là không áp dụng được trên thực tế nhìn từ các mục tiêu định giá: chính sách xã hội, phản ánh chi phí cung ứng, sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Điện lực chính sách giá điện là “*Khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm và có hiệu quả*”. Như vậy, việc áp dụng Phương án giá sinh hoạt đồng giá là không phù hợp với thực tiễn cũng như với quy định nêu trên tại Luật Điện lực nên Bộ Công Thương thống nhất với kiến nghị của Tư vấn tại Đề án là không xem xét Phương án giá sinh hoạt đồng giá trong các phân tích lựa chọn biểu giá bán lẻ điện.

3.5.2. Đối với các phương án điều chỉnh cơ cấu biểu giá bán lẻ điện sinh hoạt theo các phương án 3 bậc, 4 bậc, 5 bậc, phân tích tại khoản 2.4 mục II nêu trên cho thấy cả 3 phương án theo đề xuất tại Đề án đều làm tăng mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội khoảng 42 tỷ đồng/năm (tính theo số lượng hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ trong năm 2020).

3.5.3. Cả 3 phương án điều chỉnh cơ cấu biểu giá điện cho mục đích sinh hoạt (3 bậc, 4 bậc, 5 bậc) đều có các hộ sử dụng điện thấp hoặc trung bình dưới 300 kWh tăng giá điện (số lượng các hộ này chiếm khoảng 85,76% tổng số hộ sử dụng điện sinh hoạt); các hộ sử dụng điện từ 300 kWh đến dưới 1.000 kWh được giảm giá điện (số hộ này chiếm khoảng 13,34% số hộ sử dụng điện sinh hoạt); các hộ dùng trên 1.000 kWh tăng giá điện (chiếm 0,89% số hộ sử dụng điện sinh hoạt). Như vậy, cả 3 phương án điều chỉnh sẽ có tác động tăng giá ở các mức độ khác nhau cho 86,65% tổng số hộ sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt nên sẽ có tác động tiêu cực đến đời sống của đại đa số hộ sử dụng điện sinh hoạt nhất là trong bối cảnh tác động của dịch COVID-19.

III. So sánh lựa chọn các phương án điều chỉnh cơ cấu biểu giá bán lẻ điện của Bộ Công Thương

1. Các phương án điều chỉnh biểu giá bán lẻ điện cho nhóm khách hàng ngoài sinh hoạt

Bổ sung nhóm khách hàng "cơ sở lưu trú du lịch" để áp dụng giá bán lẻ điện bằng với giá bán lẻ điện cho sản xuất trên cơ sở tách ra từ nhóm khách hàng kinh doanh nhằm thực hiện chỉ đạo tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị. Phân chênh lệch doanh thu bán điện thiếu hụt do bổ sung nhóm khách hàng "cơ sở lưu trú du lịch" được cân đối theo các phương án sau:

- Phương án 1: Theo báo cáo và tính toán của EVN và Tư vấn tại Đề án thì hiện giá bán điện cho sản xuất đang không phản ánh đúng, đủ chi phí sản xuất, kinh doanh điện (thấp hơn so với chi phí phân bổ) nên phân thiếu hụt doanh thu do bổ sung nhóm khách hàng "cơ sở lưu trú du lịch" có thể được xem xét để bù từ giá bán điện cho giờ thấp điểm của nhóm khách hàng sản xuất từ 4% đến 8% so với giá bán lẻ điện bình quân do hiện nay giá giờ thấp điểm của nhóm khách hàng này thấp hơn nhiều so với giá bán lẻ điện bình quân (từ 52% đến 56%). Giá điện giờ bình thường và cao điểm giữ nguyên theo mức giá theo quy định hiện hành tại Quyết định số 648/QĐ-BCT (chỉ tăng giá điện giờ thấp điểm và không điều chỉnh giá điện giờ bình thường và cao điểm). Tác động tăng/giảm giá điện cho các ngành sản xuất và cơ sở lưu trú du lịch sau điều chỉnh tính theo sản lượng điện thương phẩm năm 2020 như sau:

Đối tượng áp dụng giá		Thương phẩm (kWh)	Tỷ trọng điện thương phẩm năm 2020 (%)	Giá QĐ 648 (đ/kWh)	Giá bán bình quân (đ/kWh)	Tỷ trọng mới (%)	Giá mới (đ/kWh)	Giá bán bình quân (đ/kWh)	Tăng/giảm tiền điện	Tăng/giảm doanh thu (tỷ đồng)
		114.956.233.355								2.734,37
1.1	Sản xuất bình thường	15.643.854.105	100%		1.565			1.585	1,27%	
1.1.1	Cấp điện áp từ 110kV trở lên	8.973.248.508	57%	1.536		82%	1.536	0		0,00
a	Giờ bình thường	2.364.881.469	15%	2.759		148%	2.759	0		0,00
c	Giờ cao điểm	4.305.724.128	28%	970		56%	1.044	74		318,62
b	Giờ thấp điểm	62.442.816.178	100%		1.661			1.687	1,57%	
1.1.2	Cấp điện áp từ 22kV đến dưới 110kV	36.484.286.534	58%	1.555		83%	1.555	0		0,00
a	Giờ bình thường	11.181.757.160	18%	2.871		154%	2.871	0		0,00
c	Giờ cao điểm	14.776.772.484	24%	1.007		60%	1.119	112		1.655,00
b	Giờ thấp điểm	1.410.837.350	100%		1.670			1.643	-1,62%	
1.1.3	Cấp điện áp từ 6kV đến dưới 22kV	825.012.754	58%	1.611		83%	1.555	-56		-46,20
a	Giờ bình thường	216.384.261	15%	2.964		154%	2.871	-93		-20,12
c	Giờ cao điểm	369.440.335	26%	1.044		60%	1.119	75		27,71
b	Giờ thấp điểm	35.458.725.722	100%		1.752			1.819	3,85%	
1.1.4	Cấp điện áp dưới 6kV	25.006.828.164	71%	1.685		90%	1.685	0		0,00
a	Giờ bình thường	5.087.027.192	14%	3.076		165%	3.076	0		0,00
c	Giờ cao điểm	5.364.870.366	15%	1.100		67%	1.249	149		799,37
b	Giờ thấp điểm									

Bảng 10: Tác động tăng giá sản xuất của Phương án hiệu chỉnh

Đối tượng áp dụng giá		Thương phẩm (kWh)	Tỷ trọng (%)	Giá QĐ 648 (đ/kWh)	Giá bán bình quân (đ/kWh)	Tỷ trọng mới (%)	Giá mới (đ/kWh)	Giá bán bình quân (đ/kWh)	Tăng/giảm tiền điện	Tăng/giảm doanh thu (tỷ đồng)
1.1	Cơ sở lưu trú du lịch	3.058.735.429								-2.788,20
1.1.1	Cấp điện áp từ 22kV trở lên	1.291.692.413	100%		2.606			1.743	-33,11%	-1.114,94
a	Giờ bình thường	771.466.388	60%	2.442		83%	1.555			-684,29
c	Giờ cao điểm	267.800.394	21%	4.251		154%	2.871			-369,56
b	Giờ thấp điểm	252.425.630	20%	1.361		60%	1.119			-61,09
1.1.3	Cấp điện áp dưới 6kV	1.767.043.016	159%		2.777			1.830	-34,11%	-1.673,26
a	Giờ bình thường	1.112.416.636	63%	2.666		90%	1.685			-1.091,28
c	Giờ cao điểm	296.836.107	17%	4.587		165%	3.076			-448,52
b	Giờ thấp điểm	357.790.273	20%	1.622		67%	1.249			-133,46

Bảng 11: Tác động giảm giá cho Cơ sở lưu trú du lịch của Phương án hiệu chỉnh

Ưu điểm của Phương án này là đảm bảo dần tính đúng, tính đủ chi phí cho nhóm khách hàng sản xuất. Tuy nhiên, số liệu tại Bảng 11 cho thấy, các doanh nghiệp sản xuất sẽ chịu tác động tăng giá từ 1,27% đến 3,85% trong bối cảnh ngành sản xuất đang phục hồi hoạt động. Việc điều chỉnh tăng giá sẽ gây tác động bất lợi đến các ngành sản xuất.

- Phương án 2: Phân bổ phần thiếu hụt doanh thu do bổ sung nhóm khách hàng “cơ sở lưu trú du lịch” cho tất cả các nhóm khách hàng sử dụng điện. Phần thiếu hụt doanh thu khoảng 2.800 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,74% tổng doanh thu bán điện của EVN.

Ưu điểm của Phương án là khoản tiền khoảng 2.800 tỷ đồng được phân bổ đều cho tất cả các nhóm khách hàng sử dụng điện, do đó ảnh hưởng của việc phân bổ khoản giảm doanh thu này ở mức thấp so với phương án phân bổ cho nhóm khách hàng sản xuất và đảm bảo trong phạm vi +/-2% so với tỷ lệ tại Phụ lục của Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg.

2. Đề xuất về cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho khách hàng mục đích sinh hoạt

Trên cơ sở đánh giá tác động của các phương án cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho sinh hoạt, các định hướng điều chỉnh biểu giá điện cho khách hàng sinh hoạt nêu trong Báo cáo, Bộ Công Thương đề xuất 02 phương án biểu giá điện sinh hoạt 5 bậc và 4 bậc như sau:

Phương án 1: Cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện sinh hoạt theo hướng rút ngắn từ 6 bậc xuống 5 bậc như theo đề xuất của EVN và Tư vấn tại Công văn số 404/EVN-TCKT nhưng có thay đổi về cơ cấu tỷ trọng so với giá bán lẻ điện bình quân, cụ thể:

- + Bậc 1: cho 100 kWh đầu tiên;
- + Bậc 2: cho kWh từ 101 - 200;
- + Bậc 3: cho kWh từ 201 - 400;
- + Bậc 4: cho kWh từ 401 - 700;
- + Bậc 5: cho kWh từ 701 trở lên.

Trên cơ sở thiết kế các bậc nêu trên, giá điện cho từng bậc được thiết kế lại nhằm thực hiện theo nguyên tắc nêu trên cũng như đảm bảo hạn chế tối đa tác động tới các hộ sử dụng điện, cụ thể:

- Giữ nguyên giá điện hiện hành cho bậc đầu từ 0-100 kWh nhằm đảm bảo ổn định giá điện cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội có mức sử dụng điện thấp (chiếm 33,48% số hộ). Phân chênh lệch giảm doanh thu tiền điện được bù đắp từ hộ sử dụng điện từ 401-700 kWh và trên 700kWh.

- Giữ nguyên giá điện hiện hành cho các bậc từ 101-200 kWh và 201-300 kWh.

- Giá điện cho các bậc từ 401-700 kWh và từ 700 kWh trở lên được thiết kế nhằm bù trừ doanh thu cho các bậc thấp.

STT	Mức sử dụng điện	Cơ cấu tại Quyết định 28	Mức sử dụng điện	Cơ cấu điều chỉnh
1	Cho 50 kWh đầu tiên	92%	Cho 0-100 kWh đầu tiên	90%
2	Cho kWh từ 51-100	95%		
3	Cho kWh từ 101-200	110%	Cho kWh từ 101-200	108%
4	Cho kWh từ 201-300	138%	Cho kWh từ 201-400	136%
5	Cho kWh từ 301-400	154%	Cho kWh từ 401-700	162%
6	Cho kWh từ 401 trở lên	159%	Cho kWh từ 701 trở lên	180%

Bảng 12: Phương án 5 bậc có hiệu chỉnh so sánh với cơ cấu tại Quyết định 28

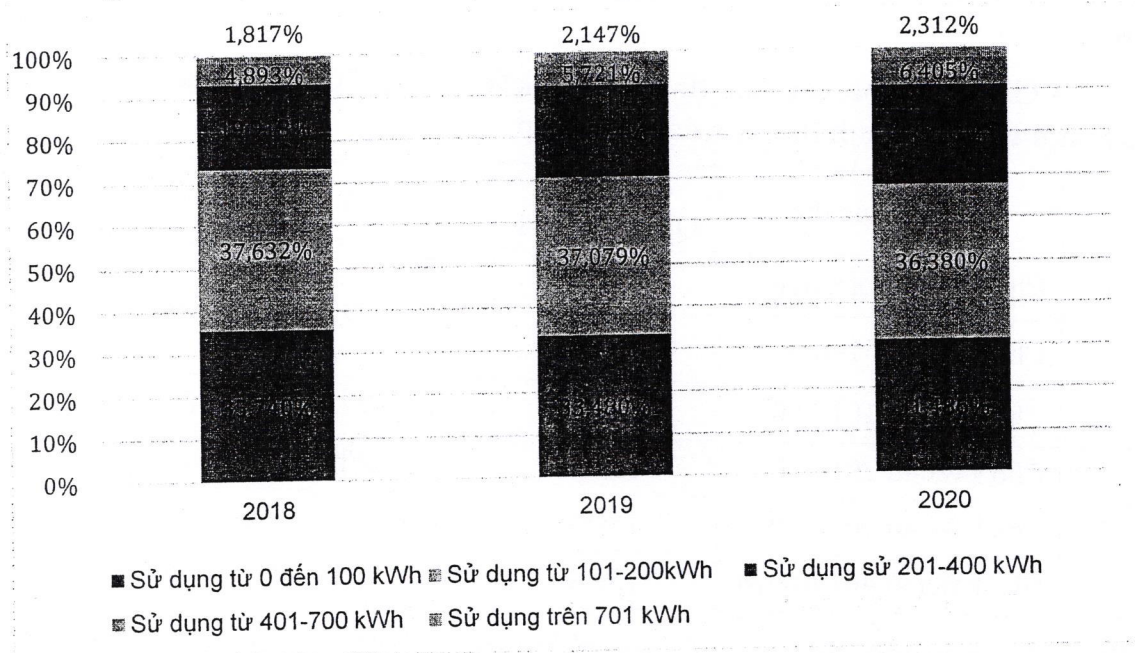
Đối tượng áp dụng giá		Đề xuất tại Đề án	Định mức (kWh)	Giá QĐ648 (đ/kWh)	Tỷ trọng mới (%)	Giá mới (đ/kWh)	Tăng/giảm giá điện (đ/kWh)
1	Từ 0 đến 50 kWh	Từ 0 đến 100 kWh	50	1.678	90%	1.678	-
2	Cho kWh từ 51 đến 100		50	1.734	90%	1.678	(56)
3	Cho kWh từ 101 đến 200	Cho kWh từ 101 đến 200	100	2.014	108%	2.014	-
4	Cho kWh từ 201 đến 300	Cho kWh từ 201 đến 400	100	2.536	136%	2.536	-
5	Cho kWh từ 301 đến 400		100	2.834	136%	2.536	(298)
6	Cho kWh từ 401 trở lên	Cho kWh từ 401 đến 700	300	2.927	162%	3.020	93
7		Cho kWh từ 701 trở lên		2.927	180%	3.356	429

Bảng 13: So sánh giá điện hiện hành với giá điện tính theo phương án cơ cấu giá điện sinh hoạt theo 5 bậc có hiệu chỉnh tỷ lệ giá điện của các bậc

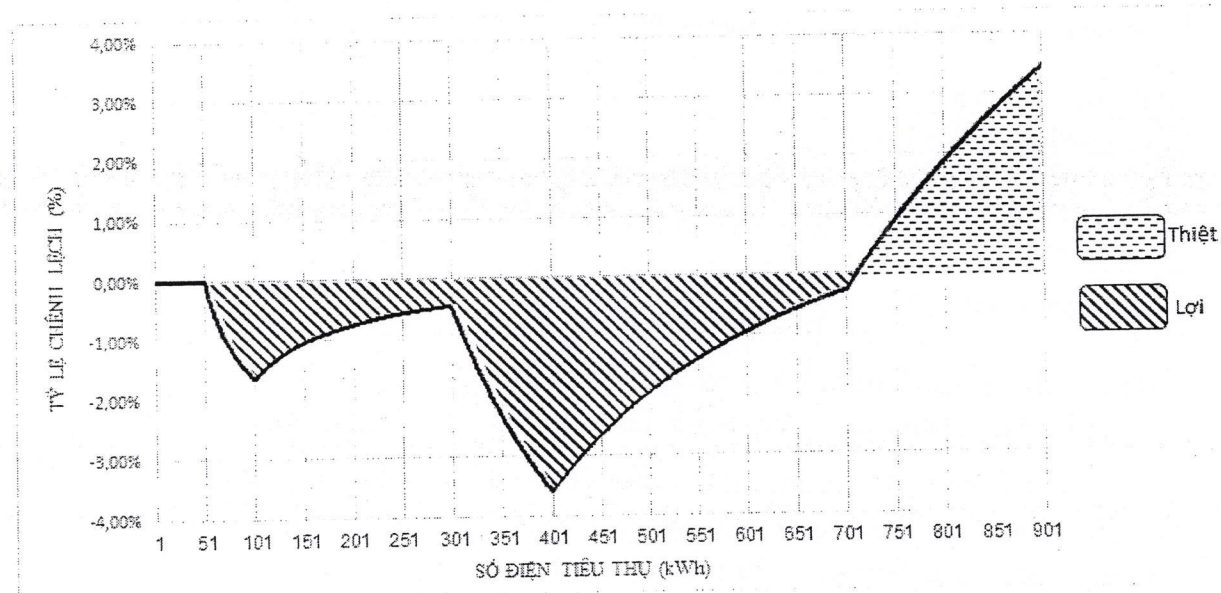
- Ưu điểm: đơn giản, người dân dễ hiểu do giảm từ 6 bậc như cơ cấu biểu giá điện hiện nay xuống còn 5 bậc giá điện. Ghép các bậc lại với nhau để tăng khoảng cách mức tiêu thụ tiêu thụ điện giữa các bậc và nới rộng khoảng cách mức tiêu thụ của bậc cao hơn nhằm phản ánh tình hình thực tế tiêu thụ điện và khuyến khích việc sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả hơn đồng thời hạn chế được một phần việc tiền điện phải trả tăng cao trong những tháng đông mùa. Số tiền ngân sách hỗ trợ cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội không thay đổi so với khi áp dụng cơ cấu biểu giá điện hiện hành. Mức tăng giá giữa các bậc là hợp lý, chênh lệch giữa bậc

đầu và bậc cuối cùng là 2 lần, phù hợp với xu thế chung của các nước trên thế giới nhằm khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả thông qua việc tăng chênh lệch giá giữa bậc thang đầu và bậc thang cuối, cụ thể: Nam California, Mỹ là 2,2 lần, Hàn Quốc là 3 lần, Lào là 2,88 lần; Thái Lan là 1,65 lần. Các hộ có mức sử dụng điện từ 710 kWh trở xuống (chiếm khoảng 98% số hộ) sẽ có tiền điện phải trả giảm đi.

- *Nhược điểm:* tiền điện các hộ sinh hoạt có mức sử dụng điện cao từ 711 kWh/tháng trở lên (chiếm khoảng 2% số hộ) phải trả tăng thêm.



Hình 5: Tỷ lệ số hộ sử dụng điện theo 5 bậc thang



Hình 6: Tỷ lệ chênh lệch tiền điện theo giá mới và giá hiện hành của các hộ sử dụng điện sinh hoạt theo phương án 5 bậc hiệu chỉnh

Phương án 2: Cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện sinh hoạt theo hướng rút ngắn từ 6 bậc xuống 4 bậc như theo đề xuất của EVN và Tư vấn, cụ thể:

- + Bậc 1: cho 100 kWh đầu tiên;
- + Bậc 2: cho kWh từ 101 - 300;
- + Bậc 3: cho kWh từ 301 - 700;
- + Bậc 4: cho kWh từ 701 trở lên.

Trên cơ sở thiết kế các bậc nêu trên, giá điện cho từng bậc được thiết kế lại nhằm thực hiện theo nguyên tắc nêu trên cũng như đảm bảo hạn chế tối đa tác động tới các hộ sử dụng điện, cụ thể:

- Giữ nguyên giá điện hiện hành cho bậc đầu từ 0-100 kWh nhằm đảm bảo ổn định giá điện cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội có mức sử dụng điện thấp (chiếm 33,48% số hộ), ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội không thay đổi. Phần chênh lệch giảm doanh thu tiền điện được bù đắp từ hộ sử dụng điện từ 101-200 kWh; 301-400 kWh và trên 700kWh.

- Giá điện cho các bậc từ 101-700 kWh và từ 700 kWh trở lên được thiết kế nhằm bù trừ doanh thu cho các bậc thấp.

STT	Mức sử dụng điện	Cơ cấu tại Quyết định 28	Mức sử dụng điện	Cơ cấu điều chỉnh
1	Cho 50 kWh đầu tiên	92%	Cho 0-100 kWh đầu tiên	90%
2	Cho kWh từ 51-100	95%		
3	Cho kWh từ 101-200	110%	Cho kWh từ 101-300	116%
4	Cho kWh từ 201-300	138%		
5	Cho kWh từ 301-400	154%	Cho kWh từ 301-700	157%
6	Cho kWh từ 401 trở lên	159%	Cho kWh từ 701 trở lên	165%

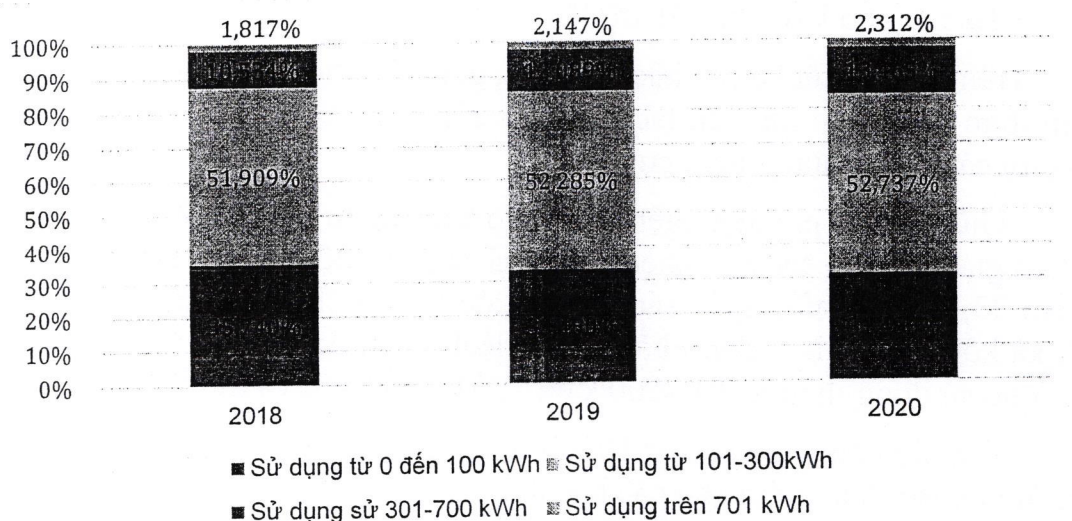
Bảng 14: Phương án 4 bậc có hiệu chỉnh so sánh với cơ cấu tại Quyết định 28

Đối tượng áp dụng giá		Đề xuất tại Đề án	Định mức (Kwh)	Giá QĐ 648 (đ/kWh)	Tỷ trọng mới (%)	Giá mới (đ/kWh)	Tăng/giảm giá điện (đ/kWh)
Sinh hoạt							
1	Từ 0 đến 50kWh	Từ 0 đến 100kWh	50	1.678	90%	1.678	-
2	Cho kWh 51 đến 100		50	1.734	90%	1.678	(56)
3	Cho kWh từ 101 đến 200	Cho kWh từ 101 đến 300	100	2.014	116%	2.163	149
4	Cho kWh từ 201 đến 300		100	2.536	116%	2.163	(373)
5	Cho kWh từ 301 đến 400	Cho kWh từ 301 đến 700	100	2.834	157%	2.927	93
6	Cho kWh từ 401 trở lên		300	2.927	157%	2.927	-
7		Cho kWh từ 701 trở lên		2.927	165%	3.076	149

Bảng 15: So sánh giá điện theo Phương án 4 bậc có hiệu chỉnh so sánh với giá điện hiện hành

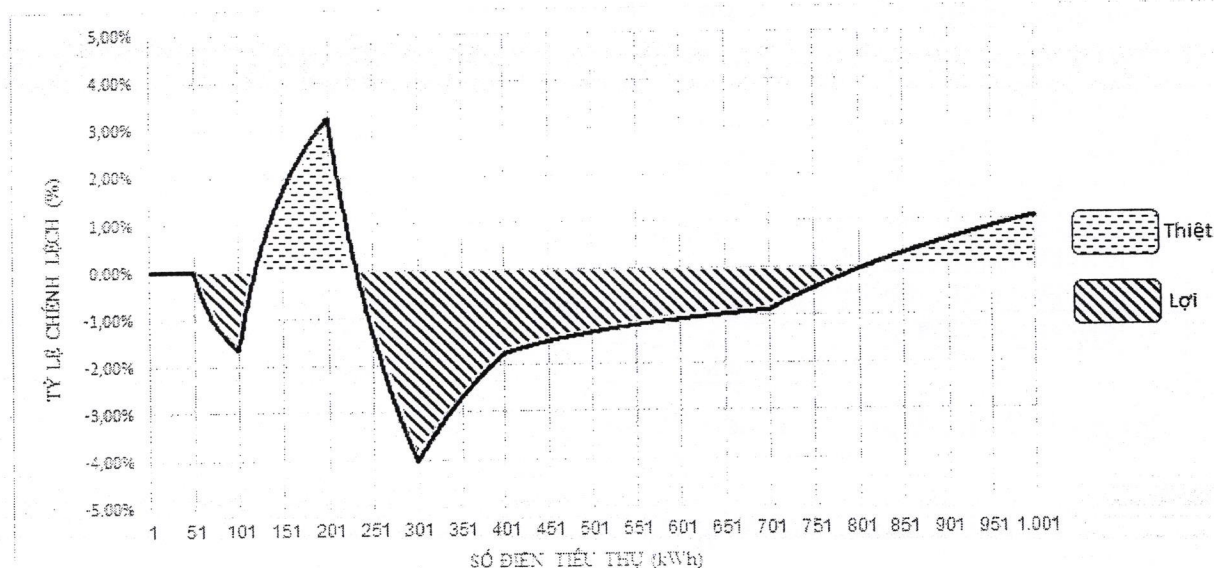
- **Ưu điểm:** Đơn giản trong áp dụng, tạo điều kiện cho đơn vị điện lực trong việc quản lý, tính toán hóa đơn tiền điện, phù hợp với xu thế cải tiến cơ cấu biểu giá điện cho sinh hoạt tại một số nước trong khu vực (Hàn Quốc áp dụng giá điện năng cho sinh hoạt theo 3 bậc từ năm 2016 thay vì 6 bậc như trước; Thái Lan áp dụng giá

điện năng cho những hộ sử dụng điện dưới 150 kWh/tháng theo 7 bậc, những hộ có mức sử dụng trên 150 kWh/tháng áp dụng theo 3 bậc; Nhật Bản áp dụng giá điện năng cho sinh hoạt theo 3 bậc). Việc phân chia giảm bớt 1 bậc so với Phương án 5 bậc nêu trên sẽ làm giảm bớt một phần tác động tăng tiền điện trong các tháng chuyển mùa với phần lớn các hộ sử dụng điện nằm trong dải sử dụng từ 101-300 kWh.



Hình 7: Tỷ lệ số hộ sử dụng điện theo 4 bậc thang

- *Nhược điểm:* So với Phương án 5 bậc nêu trên thì Phương án 4 bậc sẽ làm tăng tiền điện phải trả đối với các hộ có mức sử dụng từ 119 - 232 kWh/tháng và các hộ có mức sử dụng trên 806 kWh/tháng. Tuy nhiên, theo đánh giá sơ bộ thì tác động tăng tiền điện đối với các hộ có mức sử dụng từ 119 - 232 kWh/tháng là không lớn với mức tiền điện tăng thêm chỉ tối đa chỉ 12.100 đồng/tháng/hộ, tương ứng mức tăng tiền điện là 3,25%. Ngoài ra, Phương án 4 bậc sẽ có tác dụng thấp hơn trong việc khuyến khích khách hàng sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả so với Phương án 5 bậc.



Hình 8: Tỷ lệ chênh lệch tiền điện theo giá mới và giá hiện hành của các hộ sử dụng điện sinh hoạt theo phương án 4 bậc hiệu chỉnh